TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tóm lược giảng giải Pháp Bảo Đàn kinh (Phẩm cuối)

ISSN: 2734-9195 09:05 07/08/2025

Tự tính vốn là trí tuệ và từ bi, nên tự tính động dụng là tự giác (ở nơi tướng mà lìa tướng) và giác tha, làm lợi lạc cho người. Nhưng nếu tự tính nhiễm tà, thì thành ra chấp ngã chấp pháp, từ đó có những tà kiến nảy sinh.

Phẩm mười – Phẩm phó chúc

Theo trong phẩm này có nói "nối pháp được bốn mươi ba vị", tức là số đệ tử nhập thất của Tổ, đã ngộ tính, thấy tính, nhưng chính thức cho đi làm thầy thì chỉ có mười vị. Điều này cho chúng ta thấy tuy thấy tính, tuy vào thất Tổ sư, nhưng vẫn có mức độ sâu cạn. Thế nên, trong phái Lâm Tế về sau chia ra ba quan: Tổ sư quan hay sinh tử quan, Trùng quan và Lao quan. Có lẽ muốn làm thầy thì phải qua hết quan thứ ba. Cuộc đời, thế giới chúng ta kinh nghiệm được đều được gói tròn trong năm ấm, mười hai nhập và mười tám giới.

Nói rút gọn là căn (cửa), trần, thức. Những yếu tố này duyên sinh lẫn nhau và tương tác lẫn nhau để tạo thành cuộc đời và thế giới ta đang sống. Ở trước, khi đại ngộ Lục Tổ đã nói "tự tính hay sinh muôn pháp", ở đây ngài cũng nói "tự tính bao gồm vạn pháp". Nhưng ở đây ngài giảng theo tám thức từ kinh Lăng Già, mà Sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma đã trao cho các đệ tử. Tự tính bao gồm tất cả các pháp, và tự tính vốn thanh tịnh nên các pháp đều thanh tịnh. Tự tính ấy là trí, và khi có nhiễm ô thì gọi là Hàm tàng thức, tức là đã có vô minh. Vô minh sinh hành, hành sinh thức, thức sinh danh sắc, danh sắc sinh sáu cửa, sáu cửa sinh xúc, xúc sinh thọ, thọ sinh ái, ái sinh thủ, thủ sinh hữu, hữu sinh sinh, sinh sinh lão tử. Đây là vòng mười hai nhân duyên tương thuộc sinh nhau và tiếp nối nhau tạo thành sự tương tục của sinh tử. Khi tự tính đã là thức, Hàm tàng thức, thì có sự "chuyển thức", tức là sự sinh ra cái tiếp theo. Sinh ra, chuyển thức là cái động ban đầu, cái vô minh phân biệt ban đầu, từ đây có sáu thức, sáu căn, sáu trần, có ta người, có tôi và thế giới, có thương ghét... tức là các pháp riêng rẽ nhau, phân mảnh, không còn là "tự tính bao gồm muôn pháp", không còn là một tự tính, một Phật tính, một Pháp thân. Tóm lại chuyển thức là trí chuyển

thành thức, tính chuyển thành tướng, lìa tự tính tự tịnh tự định để chạy theo tướng. Tu là đưa các pháp về tự tính, đó là công phu “ở nơi tướng mà lìa tướng, ở nơi niệm mà vô niệm, vô trụ là tính vốn sẵn của người” (Phẩm Định Huệ thứ 4), để thấy tất cả là một, tất cả các tướng đều là một tính. Thấy tính là thấy tất cả tướng đều là một tính, không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Tất cả là Chân Như, là Viên thành thật tính. Thật ra, ‘‘mười tám giới như vậy đều từ tự tính khởi dụng’’, tự tính nhiễm ô, thì sự khởi dụng thành ra mười tám giới nhiễm ô của sinh tử. Còn tự tính thanh tịnh thì khởi dụng ra mười tám giới thanh tịnh của Niết bàn vì ‘‘bản tính của sinh tử là Niết bàn’’. Cụ thể người tu có thấy tất cả pháp trước mắt, bên ngoài và bên trong là ‘‘tự tính khởi dụng’’ không. Thấy được như thế tức là sống trong tính.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Cái khởi dụng để có ra ba mươi sáu pháp đối nhau tạo thành chủ thể và đối tượng, ta và người, ta và thế giới đều có nền tảng là tự tính, hiện hữu trên tự tính và tiêu tan trong tự tính. Cho nên chính tự tính giải quyết cho các sự đối nhau không cùng tạo thành sinh tử này. Chúng ta thấy năm pháp đối nhau của “ngoại cảnh vô tình”, cái mà ở trên gọi là trần, thì sự phân biệt đối địch là chuyện tự nhiên, có rất ít thức phân biệt thương ghét, ta người, ta và thế giới. Khi có mặt trời thì không có mặt trăng, khi có sáng thì không có tối.... Khi có ngôn ngữ của con người chen vào thì chính ngôn ngữ làm cho sự đối nghịch nặng nề hơn, sự phân biệt càng nhiều, cái ta và cái của ta, thích và không thích, giá trị và không giá trị. Ở mười chín pháp đối sau, thức phân biệt càng sâu sắc vi tế hơn, đâm sâu rễ vào toàn bộ hiện hữu để thế gian trở thành đối nghịch

không thể cứu chữa, là tôi thiện anh ác, tôi đúng anh sai, tôi trí anh ngu... đưa đến chiến tranh không dứt. Để thoát khỏi cuộc sinh tử duyên sinh tương thuộc nhưng đối nghịch nhau này, người tu phải trở lại cái nền tảng khởi dụng chưa bị nhiễm ô. Để giải quyết đối pháp, phải học và thực hành lời dạy của Lục Tổ: "Dụng do đâu có? Do tự tính mà có". Như nếu cứ thấy sóng, cứ sống nơi sóng thì cả đời dồn dập khổ đau, đối nghịch. Còn thấy tất cả sóng khởi dụng từ đại dương, là những biểu hiện của đại dương thì tất cả là đại dương, hết đối nghịch, hết chiến tranh. Ba mươi sáu tướng đối đãi ấy nếu hiểu mà dùng, nghĩa là chúng chỉ là phương tiện, "ở nơi tướng mà lìa tướng", ở nơi tướng mà "chẳng phải tướng", thì đó là đạo, dùng tướng mà lìa cả hai bên thì ngay khi dùng bèn là giải thoát, vì "bình đẳng như mộng huyễn", ''dụng vốn vô sinh'', "tính tướng như như". Người tu hành cả ngày sống trong các pháp đối, "nếu hiểu mà dùng thì đó là đạo". Đạo là cái mà chúng ta vẫn dùng hàng ngày vậy.

Tự tính vốn là trí tuệ và từ bi, nên tự tính động dụng là tự giác (ở nơi tướng mà lìa tướng) và giác tha, làm lợi lạc cho người. Nhưng nếu tự tính nhiễm tà, thì thành ra chấp ngã chấp pháp, từ đó có những tà kiến nảy sinh. Vì cái ta, cho nên chê bai văn tự của người, thậm chí văn tự của kinh. Thiền tông chú trọng đến tu chứng, nên không đặt nặng chuyện nghiên cứu văn tự trong kinh điển. Nhưng vì cái ta mà giải thích "chẳng lập văn tự" theo một lối cực đoan coi thường kinh điển thì tạo tội chướng vô số. Phải thấy rằng tự tính khởi dụng, tự tính động dụng là khởi dụng từ trí tuệ vô ngã vô pháp, từ tâm từ bi cứu độ chúng sinh, chứ không phải từ cái ta và cái của ta, từ sự ích kỷ hạn hẹp của ta và cái của ta.

Lục Tổ hay nói về "lỗi, lỗi lầm, sai, chẳng phải, tội" vì không lỗi, đó là trí, là tự tính. Lỗi là cái mình tự tạo để tự che lấp với tự tính: "Tâm địa không lỗi, tự tính giới". Cho nên khi chuyển lỗi thì ngay nơi chỗ chuyển đó là trí tuệ: "Chuyển lỗi ắt sinh trí huệ". Thấy tướng và làm theo tướng, đó là lỗi. Thấy tính và làm theo tính, đó là Như Lai thanh tịnh thiền. Bám tướng mà tu thì chỉ tăng thêm phân biệt ta người, nói gì thì cũng rơi vào tướng có tướng không, như vậy là xây đắp sinh tử ngày thêm kiên cố, có bao giờ ra khỏi. Người thực tu là người thực sự mong cầu giải thoát. Giải thoát là lìa tướng chứ không phải đắm chìm theo tướng, tạo lập thêm tướng. Chỉ y pháp tu hành, tức là y tính mà tu. Đến khi ngộ tính, thấy tính thì y vào tính mà nói, mà dùng, mà hành, mà làm, bấy giờ càng ngày càng nhập sâu vào tính cho đến lúc hoàn hảo thì đây là tính nói, tính dùng, tính hành, tính làm. Tất cả là tính. Khi ấy thấy gì cũng vui, nghe gì cũng vui, sờ chạm cái gì cũng vui, nghĩ gì cũng vui. Đây là ''tự tính khởi dụng''.

Lập ra các pháp đối, sử dụng pháp đối để làm rõ nghĩa trung đạo. Trung đạo chính là tự tính. Đối lại câu hỏi người khác để đưa họ vào trung đạo, vào tự tính.

Chính nơi các pháp đối là cái dụng của tự tính mà người ta thấy được "tự tính khởi dụng", và ''dụng vốn vô sinh''. Một bậc chứng ngộ Pháp thân vô tướng, vô niệm và vô trụ thì thấy thân cha mẹ sinh ra này chỉ là một Hóa thân bằng vật chất thế gian. Vị ấy biết khi nào hết kỳ hạn sử dụng thân này, và chuẩn bị ra đi, từ bỏ Hóa thân để trở lại Pháp thân. Tiểu sư Thần Hội không động vì ngài đã chứng ngộ phần nào Pháp thân ấy, cho nên biết sự việc như thế nào, sinh là từ đâu sinh, chết là đi về đâu.

Pháp thân hay pháp tính thì vốn không có sinh diệt, đến đi, còn Hóa thân thì có sinh diệt, đến đi nhưng là sinh diệt đến đi trong Pháp thân không sinh diệt đến đi, nên chỉ ứng hiện như huyễn. Như một làn sóng trên đại dương, như một bóng trăng trên mặt nước. Một vị Bồ tát là sinh từ Pháp thân, làm việc ở thế gian bằng Hóa thân, và chết là trở lại Pháp thân. Đây gọi là tự do ra vào sinh tử. Đạo Phật giúp con người đi tìm và thấy ra cái chân thật, cái chân thật của mình, của người, của thế giới. Nhưng cái chân thật ấy chẳng phải do ai lập ra, nó đã có sẵn tại đây, bây giờ. Mặt trăng đã có sẵn, nhưng chính vì vọng tưởng lập ra một cái chân, thì mặt trăng duy nhất ấy liền biến thành mặt trăng thứ hai. Chính sự lập ra ý niệm cái chân, chính sự động niệm tưởng đến cái chân, mà cái vốn chân thật trước mắt biến mất và biến dạng, méo mó. Cái vốn tự chân thì không cần thêm thắt, tạo tác, tăng giảm gì cả. Chỉ cần lìa giả, lìa những che chướng giả lập thì cái chân thật hiện tiền. Cái chân thật hiện tiền khi tâm trở lại bản tính chân thật của nó là vô niệm, vô tướng và vô trụ. Vì vô niệm, vô tướng và vô trụ chính là cái chân thật, còn niệm, tướng, trụ là cái giả. Thấy mà không có niệm, không có tướng, không có trụ, đó là thấy cái chân thật.

Tu hành là để giải thoát khỏi sinh tử, mà sinh tử là động, nên cứ nghĩ rằng cứu cánh là cái chẳng động. Cái chẳng động rốt ráo chẳng phải là chẳng động đối với động mà "ngay động có chẳng động". Thấy biết được cái chẳng động có mặt ở mọi lúc mọi nơi này mới thực sự giải thoát, vì khi ấy đâu cũng là giải thoát, cái gì cũng là giải thoát. Trong thật tướng vô niệm, vô tướng và vô trụ, không có sự tranh luận, phân chia ta người, cái này cái kia. Những sự phân chia, tranh chấp đều thuộc về thức tạo ra sinh tử. Vô niệm, vô tướng, vô trụ là vô sinh, "đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt". "Hãy khéo phân biệt tướng, mà ở trong đệ nhất nghĩa chẳng động, đây là cái dụng của Chân Như". Dụng mê lầm khởi tướng theo tướng là dụng của sinh tử, đây là cái dụng của tự tính nhiễm ô. Còn tự tính thanh tịnh thì tất cả đời sống là dụng của Chân Như.

Nhất tướng tam muội là an trụ trong tự tính vô tướng, vô niệm và vô trụ. Tâm thấu thoát qua mọi tướng, mọi niệm, rỗng rang khắp cả. Nhất tướng tam muội là chính định thường hằng của Nhất tướng Vô tướng, tức là của tính Không. Nhất hạnh tam muội là chính định của một hạnh, hạnh ấy là thuần một trực tâm, ở

trong đạo tràng chẳng động, tức là hạnh sống trong tính Không. Khi thấy và sống trong tính Không, tức là thấy và sống trong cái thanh tịnh vô tướng, vô niệm và vô trụ, thì đây là Tịnh độ chân thực. Ban đầu người tu chỉ mới tương ưng với tính Không và cứ niệm niệm tương ưng như vậy thì cái tam muội của tính Không này lớn dần lên, cho đến khi tất cả vũ trụ đều ở trong tam muội ấy. Nhất tướng tam muội và Nhất hạnh tam muội là cuộc sống hàng ngày ở đời này, chỉ với tâm vô niệm, vô tướng và vô trụ, người ta đưa cuộc sống hàng ngày vào giải thoát giác ngộ.

Phật tính là tâm địa, là tự tính. Nhờ nghe pháp mà biết được sự có mặt thường hằng của nó, gọi là đốn ngộ. Khi đã biết được nó, quả giác ngộ sẽ dần dần tự thành, vì nhân Phật tính ắt tự nhiên thành quả Phật tính. Bấy giờ như kinh Viên Giác nói: “Tất cả đều là Giác”. Phật tính hay Phật là cái vốn thanh tịnh, không hai, không có các tướng này. Trong cái vốn thanh tịnh này mà thanh tịnh được bao nhiêu thì các địa Bồ tát theo đó mà tạm thời thành lập. Tu là y vào cái vốn thanh tịnh, không có các tướng ấy mà tu. Chớ lập ra ý tưởng, lập ra niệm về cái tịnh, về cái không có niệm rồi theo đó mà quán tịnh, làm không cái tâm thì như người xưa nói muốn có im lặng mà nói hãy im đi, muốn không có bóng mà ra đứng dưới ánh mặt trời. Chỉ cần một câu “tâm đây vốn tịnh”, “không có các tướng”, “chẳng thể lấy bỏ” mà tham thiền liên tục thì sẽ có ngày gặp nó. Gặp được diệu nhân, đốn ngộ diệu nhân, thì diệu quả tự nhiên thành, vì tất cả xưa nay vốn đã hiện thành vậy.

Một người đã chứng ngộ tính Không vô sinh thì đến từ tính Không, làm việc trong tính Không, và đi về tính Không. Tất cả niệm đều giải thoát, tất cả tướng đều giải thoát, tất cả trụ đều giải thoát, thế nên tất cả đều như chơi. Thậm chí trả lời về chính pháp nhãn tạng cũng nói như chơi: “Người có đạo thì đắc, người vô tâm thì thông”. Ai có đạo? Ai vô tâm? Không, Vô tướng, Vô nguyện thì như chơi vậy.

Khi nhìn thẳng vào tâm, tìm kiếm cho đến rốt ráo chúng ta vẫn không tìm thấy một niệm nào cả. Bản chất của tâm là vô niệm. Tìm hết mức, chúng ta vẫn không tìm thấy tâm có tướng gì cả, không tròn không vuông, không xanh đỏ trắng vàng, không âm thanh, không mùi vị. Bản chất của tâm là vô tướng. Chúng ta cũng không tìm thấy đâu là chỗ trụ của tâm, vì không chỗ trụ nên nó có mặt khắp cả. Bản chất của tâm là vô trụ. Không bị quy định, định hình bởi niệm, tướng và trụ nên tâm vốn là giải thoát. Hiện hữu không do duyên nào cả, đây là một nghĩa của vô tự tính, tâm vốn tự do. Tâm này là Phật, ngoài tâm này ra không có Phật nào khác. Người mê cứ nghĩ rằng phải tìm Phật ngoài cái chúng sinh này. Nhưng chúng sinh sinh ra từ Phật, như sóng sinh ra từ biển, như các món đồ bằng vàng sinh ra từ một chất vàng. Tất cả mọi cái sinh ra đều có

bản chất Phật, chỉ có khác nhau về hình tướng là do nghiệp (hành động) của mỗi chúng sinh. Lục Tổ nói, “hãy biết chúng sinh tức là Phật tính”, biết tất cả tướng sinh ra từ Phật tính, đây là cái thấy biết của giải thoát. “Muốn cầu Phật thì chỉ cần biết chúng sinh”, biết thật tướng của chúng sinh là Phật tính, đây là cái thấy biết của giác ngộ. Như biết thật tướng của sóng là đại dương, biết thật tướng của bóng là gương, biết thật tướng của mọi đồ gốm là đất sét. Tự tính vốn là Phật, chỉ vì mê, chẳng bình đẳng, tà vạy, hiểm hóc cong queo mà từ một vị Phật tính bỗng hóa thành méo mó, ta người, của tôi của anh, thân tâm đối chọi với thế giới….

Còn tự tính không nhiễm ô, không biến thành các tướng méo mó thương ghét, lấy bỏ… thì chỉ có Phật biến thành Phật, Phật thấy Phật, Phật nói với Phật, Phật làm cho Phật. Tất cả đều là tự tính thanh tịnh, đó là chân Phật. Phật là Giác, Pháp là Chính, Tăng là Tịnh (phẩm Sám hối). Tùy theo sống được cái Giác, cái Chính, cái Tịnh ấy được bao nhiêu bèn là sống trong tự tính Tam Bảo thường trụ được bấy nhiêu. Bản tâm là Phật thì khi tâm sinh, đó là thảy thảy Phật sinh, khi tâm diệt thì thảy thảy Phật diệt, sinh hay diệt cũng chỉ là Phật. Bản tâm là Pháp thân Phật, thì chẳng có gì ngoài, và tất cả hiện hữu là Báo thân và Hóa thân Phật. Đây là “nơi tất cả mọi chỗ, đi đứng nằm ngồi, thuần một trực tâm Phật, đạo tràng chẳng động, thành chân Tịnh độ”. Từ tự tính Chân Như vốn là chân Phật này, từ tự tâm vô niệm, vô tướng, vô trụ này bỗng nhiên khởi lên cái thấy biết phân biệt, tà kiến, ba độc, tức khắc Niết bàn biến thành sinh tử, cảnh Phật biến thành cảnh ma. Gương biến thành các bóng và gương biến mất. Còn trong tự tính mà không khởi vọng niệm phân biệt, thì vẫn nguyên chính kiến, gương vẫn nguyên ánh sáng, thì khi ấy tất cả các bóng là gương, đều thanh tịnh, không dấu vết nhiễm ô. Tính là tất cả các tướng, tất cả các tướng là tính, đây là “Ba Thân xưa nay vốn một thân”, đây là nhân Phật mà cũng là quả Phật. “Tự tính khởi dụng” thì sinh ra hóa thân, đó là các niệm, các tướng. Nhưng tự tính luôn luôn là tính tịnh, nên “tính tịnh thường ở trong hóa thân”, bản tính của các niệm, các tướng là thanh tịnh, trong ngoài đều thanh tịnh, tính tướng đều thanh tịnh, ‘‘tương lai viên mãn thật không cùng”. Tự tính khởi dụng cho nên “tính dâm vốn là nhân tính tịnh”, chuyển hóa tướng dâm về tính tịnh thì thấy ngay tính tịnh khởi dụng, “trừ dâm tức là thân tính tịnh”. Tất cả các giác quan, các đối tượng của giác quan chẳng phải là tự tính khởi dụng sao? Và khi nào sống trong tự tính khởi dụng, đây là sống trong Phật. Tu hành đốn giáo là đưa tất cả niệm và tướng về tính, và tính ấy là “nhân thành Phật” mà cũng chính là quả Phật. Thấy ngay tất cả niệm chính là tính vô niệm, tất cả tướng chính là tính vô tướng, tất cả pháp chính là tính vô trụ, đó là “bỗng ngộ tính mình thấy Thế Tôn”. Cứ tu như vậy thì nghiệp chướng, tập khí đều chuyển thành tính tịnh, ‘‘ma biến thành Phật, thật không giả’’, “tương lai viên mãn thật không cùng”.

Bản tâm mình, bản tính mình, không có gì gần gũi thân thiết hơn chữ mình này. Có nghĩa là suốt ngày, cả đời có bao giờ nó lìa mình đâu, không ở với mình đâu. Suốt cả ngày mỗi chúng ta đều tự tính khởi dụng, nói năng, đi đứng, im lặng, ngồi nằm, ngủ nghỉ, có cái gì chẳng phải là sự khởi dụng của tâm mình, tính mình. Cho nên phải biết sự hiện diện của nó, thì mới nói đến chuyện giải thoát, giác ngộ. Tất cả Phật giáo, dù tu cách nào, cũng chỉ để "biết bản tâm mình, thấy bản tính mình", cái ấy chưa từng dính líu với sinh tử khổ đau. Biết bản tâm mình, thấy bản tính mình thì mới biết mùi vị của giải thoát: trơ trơ, sừng sững, lẳng lặng, bao la. Còn có cái gì, người nào đụng chạm, làm hề hấn được nó? Không động không tịnh, không sinh không diệt, không đi không đến, không phải không trái, không ở không về. Người thấy tính, sống tự tính thì khi thân thể hết năng lực bèn ra đi dễ dàng, như im một hơi thở. Bởi vì người ấy thường sống và là bản tính của con người, thiên nhiên, trời đất, nên khi ra đi làm xúc động đến muôn loài có sự sống và không có sự sống. Một cuộc đời phục vụ chúng sinh, phục vụ Phật pháp chấm dứt nhẹ nhàng như vậy. Còn chúng ta? Không phải là nói kinh này quá hay, không phải là ca ngợi ngài bằng đủ thứ ngôn từ và ý niệm đẹp đẽ.

Để khỏi phụ lòng cuộc đời và sự thuyết pháp của Phật, chúng ta phải nghe cho kỹ (văn), tư duy tới cùng (tư), và thực hành (tu) để những lời dạy của ngài thành hiện thực. Những lời nói của ngài là tất cả Phật pháp, không có một cái gì của Phật pháp mà ngài không giảng rõ để thực hành. Chỉ cần một câu, một đoạn kệ, mà ngài đã không tiếc lời "dặn đi dặn lại", mà thực hành cho đến nơi đến chốn thì mới biết Phật pháp là gì và dùng nó để cứu độ người khác. Nếu cuốn kinh này là Bốn hoằng thệ nguyện của ngài, chúng ta cũng phải nguyện như vậy mới có phần tương ưng, mới mong nắm được trong lòng bàn tay mình "cái nhân thành Phật chẳng còn nghi".

Cư sĩ Phạm Tuấn Minh tóm lược

***

Tài liệu: Lục tổ Pháp Bảo Đàn kinh - Giảng giải, soạn văn: Đương Đạo, NXB Thiện Tri Thức - 2016